

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời số /TM-BVĐK ngày /7/2026 của Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1)

TT	Tên danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Số lượng	Ghi chú
1	Chỉ khâu gân siêu bền Gồm 2 chỉ siêu bền liền kim số 2	Chiếc	Gồm 2 chỉ siêu bền liền kim số 2, tối thiểu có 1 sợi màu trắng, 1 sợi màu trắng xanh, có kim cỡ đường kính ≥ 2.5 inch, độ dài ≥ 40 inch.	100	
2	Nẹp lòng máng 1/3 các cỡ. Chất liệu thép không gỉ	Chiếc	Bề dày nẹp ≥ 1 mm, rộng ≤ 10 mm, có từ ≤ 4 đến ≥ 8 lỗ, chiều dài nẹp từ ≤ 50 mm đến ≥ 95 mm. Chất liệu thép không gỉ, tương thích với vít xương cứng 3.5 và vít xóp 4.0 các cỡ.	150	
3	Nẹp mắt xích các cỡ. Chất liệu thép không gỉ	Chiếc	Nẹp hình mắt xích. Bề dày nẹp ≥ 3 mm, rộng nẹp ≤ 10 mm, có từ ≤ 3 đến ≥ 8 lỗ, chiều dài nẹp từ ≤ 40 đến ≥ 95 mm, chất liệu thép không gỉ, tương thích với vít xương cứng 3.5 và vít xóp 4.0 các cỡ.	70	
4	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng	Chiếc	- Có các điểm đánh dấu căn quang . - Thiết kế bề mặt có răng cưa. - Chất liệu được chế tạo từ sự kết hợp của PEEK, một chất liệu composite gốc polymer, và Ti6Al4V hoặc tương đương. - Kích thước: 25 mm; 28 mm hoặc hơn. - Chiều cao tối thiểu: 8; 9; 10; 11; 12; 13mm hoặc hơn. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	20	
5	Miếng vá màng cứng kích thước 50x50mm hoặc hơn	Chiếc	- Kích thước 50x50mm ($\pm 5\%$) - Miếng vá collagen tự tiêu - Được hấp thụ hết trong vòng 6 – 8 tuần - Miếng vá trong suốt - Độ dày ≤ 0.1mm - Khả năng chống rách: $F_{max} \geq 4.0$ N - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE - Xuất xứ G7	5	

6	Nẹp xương sọ hình tròn dùng vít 1.6 mm các loại	Chiếc	Page 2 Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Nẹp hình tròn có 6 lỗ khoan - Đường kính các cỡ nẹp $\geq \phi 14.5\text{mm}$; $\geq \phi 22\text{mm}$ - Bề dày nẹp $\geq 0.5\text{mm}$. - Đường kính vít tương ứng 1.6mm - Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485. - Xuất xứ G7	150	
7	Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận cỡ 90 x 90mm	Miếng	- Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Miếng vá khuyết sọ cứng, kích cỡ 90 x 90 mm ($\pm 5\%$) - Bề dày bản $\geq 0.7\text{mm}$ - Đường kính vít tương ứng 1.6mm - Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485. - Xuất xứ G7	10	
8	Miếng vá khuyết sọ cứng hoa văn ma trận cỡ 161x187mm	Chiếc	- Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Miếng vá khuyết sọ cứng, kích cỡ 161 x 187mm ($\pm 5\%$) - Độ dày $\geq 0.6\text{mm}$ - Đường kính vít tương ứng 1.6mm Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485. Xuất xứ: G7	5	
9	Bình dẫn lưu vết mổ 200ml	Chiếc	Đã tiệt trùng, ống hút chất liệu PVC; đầu nối với ống dẫn và giúi chọc hình chữ Y	1.500	
10	Bơm tiêm liên kim dùng một lần 20ml	Chiếc	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 20ml; cỡ kim 23G, 25G, pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	300.000	
11	Bình làm ẩm dùng cho máy thở	Chiếc		20	
12	Bao đo huyết áp loại 2 dây	Chiếc	Bao huyết áp 2 dây, dùng cho máy monitor theo dõi bệnh nhân	22	
13	Bẫy nước	Chiếc	Bẫy nước dùng cho dây thở, sử dụng nhiều lần	50	

14	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm, Catheter 2 nòng, cỡ 12F hoặc 14F	Chiếc	Catheter 2 nòng, cỡ 12F hoặc 14F, đường kính ≥ 4 mm, dài ≥ 20 cm, thể tích lòng ≥ 1.4 ml, lưu lượng: 234 - 261 ml/phút, chất liệu Polyurethan hoặc tốt hơn. - Dây dẫn đường hình chữ J: đường kính ≥ 0.89 mm, dài ≥ 50 cm - Ống van: 18 G - Dao mổ - Dây nối với máy điện tim - Xi lanh: 5 ml.	800	
15	Bonding 3M	Lọ		1	
16	Composite lỏng A3	Tuýp		1	
17	Etching	Lọ	6 gam	1	
18	Đầu lấy cao răng dưới	Chiếc	20cm	1	
19	Dây thở oxy dùng cho trẻ em, người lớn	Chiếc	Chuyên dùng cho máy thở Zoll Medical Corporation/Mỹ. Dùng trên xe cấp cứu vận chuyển 115	15	
20	Túi đo áp lực dùng trong theo dõi HA động mạch	Chiếc		50	
21	Cút nối chữ Y	Chiếc	Cus nối chữ Y nối giữa dây máy thở và người bệnh	150	
22	Dây nối bipolare (Dùng mổ sọ não)	Chiếc	Dây nối bipolare đầu dẹt, chất liệu cao su cao cấp dài 30cm	20	
23	Dây nối đầu đo huyết áp máy Monitor 5 thông số VP-700	Chiếc		5	
24	Đệm hơi chống loét	Chiếc	Kích thước 90 x 200 cm Độ dày: Dao động từ 6 cm (loại mũi) đến 10 - 12 cm (loại ống) Chất liệu: Nhựa PVC y tế cao cấp hoặc Polyester, không gây dị ứng Tải trọng tối đa từ 110 kg - 150 kg Công suất máy $\leq 10W$; Hoạt động bằng điện 220V Chu kỳ bơm/xả mỗi 5 - 10 phút (chu kỳ/lần)	3	

25	Điện cực dán điện cơ	Miếng	Miếng dán điện cơ sử dụng nhiều lần	200	
26	Giấy cuộn kích thước: $\geq 350\text{mm} \times 70\text{m}$, có chỉ thị hóa học bên ngoài viên túi (Vật tư y tế sử dụng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ Plasma Model Sterrad 100S)	Chiếc	Chất liệu: 100% sợi polyethylene hoặc tương đương. Túi đựng dụng cụ có chỉ thị hoá học bên ngoài viên túi Kích thước: $\geq 350 \text{ mm} \times 70\text{m}$	80	
27	Giấy in máy monitor	Cuộn	Dùng cho máy monitor Life Scope. Kích thước $50\text{mm} \times 20\text{m}$, giấy gấp Z	60	
28	Giấy điện tim 1 cần	Tệp	Kích thước $50\text{mm} \times 100\text{mm} \times 200$. Giấy trắng không sọc	200	
29	Mask dùng cho bóp bóng appu các cỡ	Chiếc		300	
30	Mặt nạ thanh quản số 1	Chiếc	Chất liệu 100% Silicone y tế; có đường dẫn ống thông dạ dày độc lập; cuff áp lực thấp; chịu hấp tiệt trùng tái sử dụng nhiều lần (hoặc loại dùng 1 lần vô trùng). Cỡ số 1 cho trẻ $< 5\text{kg}$.	2	
31	Mặt nạ thanh quản số 2	Chiếc	Chất liệu 100% Silicone y tế; có đường dẫn ống thông dạ dày độc lập; cuff áp lực thấp; chịu hấp tiệt trùng tái sử dụng nhiều lần (hoặc loại dùng 1 lần vô trùng). Cỡ số 2 cho trẻ từ $10\text{-}20\text{kg}$.	2	
32	Mặt nạ thanh quản số 2.5	Chiếc	Chất liệu 100% Silicone y tế; có đường dẫn ống thông dạ dày độc lập; cuff áp lực thấp; chịu hấp tiệt trùng tái sử dụng nhiều lần (hoặc loại dùng 1 lần vô trùng). Cỡ số 2.5 cho trẻ từ $20\text{-}30\text{kg}$.	2	
33	Mặt nạ thanh quản số 3	Chiếc	Chất liệu 100% Silicone y tế; có đường dẫn ống thông dạ dày độc lập; cuff áp lực thấp; chịu hấp tiệt trùng tái sử dụng nhiều lần (hoặc loại dùng 1 lần vô trùng). Cỡ số 3 cho người lớn từ $30\text{-}50\text{kg}$.	3	
34	Mặt nạ thanh quản số 4	Chiếc	Chất liệu 100% Silicone y tế; có đường dẫn ống thông dạ dày độc lập; cuff áp lực thấp; chịu hấp tiệt trùng tái sử dụng nhiều lần (hoặc loại dùng 1 lần vô trùng). Cỡ số 3 cho người lớn từ $50\text{-}70\text{kg}$.	6	
35	Ống mở khí quản có bóng các số	Chiếc	Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không có cao su, ống trong suốt, bề mặt ống trơn láng, độ cong 120° , đầu ống mềm. Bóng có thể tích lớn, áp lực nhỏ (HVLV), có đường cân quang dọc bên trong ống. Ống có thể tháo rời. Được tiệt trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt.	200	

36	Quả lọc máu hấp phụ trong suy thận thể tích hấp phụ $\geq 125\text{ml}$, vật liệu vỏ: PC hoặc tương đương	Quả	- Vật liệu vỏ: PC hoặc tương đương - Thể tích hấp phụ: $\geq 125\text{ml}$ - Thể tích khoang máu: $\geq 110\text{ml}$ - Diện tích hấp phụ: $\geq 52.000\text{m}^2$ - Nội trở: $\leq 4\text{kPa}$ - Lưu lượng máu tối đa: $\geq 250\text{ml/ phút}$ - Áp suất chịu đựng: $\geq 100\text{kPa}$ - Độ chịu lực của hạt: $\geq 8,1\text{N}$	800	
37	Que gỗ lấy dịch âm đạo	Chiếc	Kích thước: $180 \times 18 \times 2 \text{ mm}$	7.000	
38	Que luồn ống nội khí quản	Chiếc	Các cỡ 2.5- 4.5, Cỡ 8.5-10.0, Cỡ 5.0- 8.0	100	
39	Bộ đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Bộ	Bộ đầu thắt tĩnh mạch thực quản gồm có: tay cầm và đầu thắt. - Với thiết kế 1 đầu thắt gồm 4/6 vòng bắn. Loại không có latex, đầu cáp bằng silicon, dây thắt màu vàng/ đen. - Đường kính cáp trong khoảng 8.8-9.8mm phù hợp với dây soi 9.4 mm - 14 mm. - Chiều dài của dây kéo từ 145cm-190cm, chất liệu bằng lụa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	20	
40	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Chiếc	Với thiết kế 1 đầu thắt gồm 4/6 vòng bắn. Loại không có latex, đầu cáp bằng silicon, dây thắt màu vàng/ đen. - Đường kính cáp 8.8-9.8mm phù hợp với dây soi 9.4 mm - 14 mm. - Chiều dài của dây kéo từ 145cm-190cm, chất liệu bằng lụa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	300	
41	Kìm sinh thiết dạ dày dùng 1 lần	Chiếc	Kìm sinh thiết hình oval, thiết kế không kim - Chiều dài làm việc $\geq 160 \text{ cm}$ - Đường kính $\geq 1,8 \text{ mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	16.000	

42	Kẹp clip cầm máu loại xoay hai chiều	Chiếc	Clip cầm máu xoay 2 chiều dùng một lần - Chất liệu thép không gỉ - Cấu trúc rãnh trượt được giữ bằng chốt ở đầu - Độ mở kẹp ≥ 16 mm - Có thể xoay 360 độ theo 2 chiều - Đường kính ngoài tối đa 2.6 mm - Chiều dài làm việc tối thiểu 2300 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Đóng mở ≥ 5 lần - Tay cầm chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene - Tiệt khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	800	
43	Thùng lọng nóng cắt polyp	Chiếc	-Thùng lọng cắt polyp, xoay được - Tay cầm thiết kế công thái học có thể xoay ở đầu tay cầm điều khiển lọng - Thùng lọng có có thể mở 3 kích thước trong 1 thùng lọng (10/20/30mm) - Dây lọng thiết kế dạng bện, thùng lọng loại cứng - Dây bện có kích thước 0.23 mm - Có đầu kết nối với máy đốt điện - Chiều dài làm việc tối thiểu 2300 mm - Tay cầm thiết kế 3 vòng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1.100	
44	Thùng lọng lạnh cắt polyp	Chiếc	-Thùng lọng lạnh tay cầm ≥ 3 ring, chất liệu Ergonomic hoặc tương đương, có thước trên tay cầm để đo độ mở của thùng lọng và ở đầu khớp nối xoay 360 độ để điều khiển thùng lọng. -Thiết kế đầu loop hình kim cương với sợi mảnh 0.22mm. -Ống thông thiết kế dạng cứng. - Đường kính 10-15mm hoặc hơn. - Chiều dài làm việc tối thiểu 2300 mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	500	

45	Kìm gấp dị vật	Chiếc	Kìm gấp dị vật dùng trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu ngàm bằng thép không gỉ - Đường kính thân 2.3 mm - Độ mở ngàm 6.3mm hoặc 8.1 mm. - Chiều dài làm việc 1800 - 2300 mm - Kìm ngàm răng chuột, ngàm cá sấu, ngàm kết hợp - Phù hợp với ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tay cầm thiết kế 3 vòng, thiết kế dạng trượt - Tiết khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	30	
46	Dao cắt cơ vòng	Chiếc	Dao cắt cơ vòng dạng xoay, có hỗ trợ ống thông dò, chiều dài dây cắt ≤ 20mm đến ≥ 30mm, đường kính ngoài tối thiểu có các cỡ: 3,9Fr, 4.4Fr, 4.9Fr, chiều dài đầu tip 5mm. - Chiều dài ống thông ≥ 200cm, tương thích dây dẫn hướng từ 0.018 inch-0.035 inch. Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA Xuất xứ: Châu Mỹ	30	
47	Dao cắt điểm	Chiếc	Dao kim có ba kênh lumen: kênh dành cho dây dẫn, kim tiêm, lưỡi dao. Tay cầm thiết kế 3 ring. Đầu kim thiết kế góc xiên. Đường kính cán: 7.0-5.5F, chiều dài ống thông catheter ≥ 200cm tương thích dây dẫn hướng 0.035inch. Tiêu chuẩn CE, FDA Xuất xứ: Châu Mỹ	4	
48	Dây dẫn hướng	Chiếc	Đầu dây dẫn thiết kế dạng xoắn, Các điểm đánh dấu chuyển động dạng sọc. Dây dẫn được bao phủ bằng một lớp Endoglide hoặc tương đương. Đầu tip có hai hình dạng: dạng thẳng hoặc cong. Chiều dài dây dẫn ≥ 260cm, đường kính dây dẫn hướng tối thiểu 0.035inch. Tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Châu Mỹ	30	

49	Bóng nong thực quản/ đường mật	Chiếc	Đường kính bóng các kích cỡ từ 6mm-20mm hoặc hơn; chiều dài bóng ≥ 5.5 cm; kênh làm việc tối thiểu 2.8-3.2mm; đường kính ống thông catheter 7.5Fr; chiều dài làm việc ≥ 180cm hoặc 240cm tương thích với dây dẫn hướng 0.035 inch. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA Xuất xứ: Châu Âu	30	
50	Bóng kéo sỏi đường mật 3 kênh	Chiếc	Bóng lấy sỏi loại 2 kênh hoặc 3 kênh, có kênh hỗ trợ dây dẫn hướng. Đường kính ống thông cỡ : 6Fr-7Fr, đường kính bóng bơm phồng tối thiểu có các cỡ 9mm, 12mm, 15mm, 18mm hoặc hơn. Chiều dài kênh làm việc ≥ 200cm tương thích dây dẫn 0.035inch. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA Xuất xứ: Châu Âu	20	
51	Rọ lấy sỏi	Chiếc	Rọ lấy sỏi có kênh đi dây dẫn hướng, tương thích với dây dẫn hướng 0.035 inch dài ≥ 260cm ; tích hợp với dụng cụ phá sỏi cơ học; Đường kính độ mở rọ ≥ 1.5cm. Dây dẫn có thể được khóa và mở khóa ở bất kì thời điểm nào trong khi thực hiện. Vô khuẩn. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA Xuất xứ: G7	10	
52	Bộ đẩy stent đường mật	Chiếc	Bộ đẩy stent nhựa đường mật có đường kính ống tối thiểu các cỡ 7F; 8,5F; 10F. Chiều dài làm việc ≥ 200 cm. Catheter có đánh dấu điểm, có cổng ra dây dẫn hướng . Đạt tiêu chuẩn CE, FDA Xuất xứ: G7	10	
53	Stent nhựa đường mật loại cong các cỡ	Chiếc	Stent nhựa đường mật các cỡ từ 7Fr, 8.5F, 10Fr; với các hình dạng loại cong ở giữa, loại cong ở tá tràng, Chiều dài stent các cỡ tối thiểu: 5cm, 7cm, 9cm, 12cm, 15cm, 18cm hoặc hơn. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA Xuất xứ: G7	5	

54	Stent nhựa đường mật loại đuôi heo các cỡ	Chiếc	Stent nhựa đường mật các cỡ tối thiểu từ 7Fr, 8.5F, 10Fr; với hình dạng đuôi tai heo đôi; Chiều dài stent các cỡ tối thiểu: 5cm, 7cm, 9cm, 12cm, 15cm, 18cm hoặc hơn. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA Xuất xứ: G7	20	
55	Ống thông đường mật	Chiếc	Ống thông có đường kính ngoài 5F; Chiều dài làm việc $\geq 210\text{cm}$, tương thích với dây dẫn hướng từ 0.018, 0.025inch, 0.035inch hoặc hơn Tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: Châu Mỹ	2	
56	Dụng cụ bơm bóng	Chiếc	Bộ đo áp lực hỗ trợ kiểm soát bơm bóng, có 1 tay cầm có nấc khóa. Thiết bị cũng bao gồm một áp kế có mặt hiển thị $\geq 0-26\text{ atm}$, một xi-lanh 20ml và ống nối. Xuất xứ: Châu Âu	4	
57	Dụng cụ phá sỏi	Chiếc	Tay điều khiển đa năng dùng trong tán sỏi và bơm bóng. Tiêu chuẩn ISO 13485 Xuất xứ: G7	2	
58	Xi lanh bơm bóng	Chiếc	Dùng trong bơm bóng, tương thích với tay cầm. Xuất xứ: Châu Âu	2	
59	Tip 1000 μL cho hệ thống hoàn toàn tự động	Hộp	Sử dụng với hệ thống Pana 9600X dùng để lấy mẫu cho quá trình tách chiết	168	
60	Tip 50 μL cho hệ thống hoàn toàn tự động	Hộp	Sử dụng với hệ thống Pana 9600X dùng để lấy mẫu cho quá trình real-time PCR	240	
61	Tube 4mL cho hệ thống hoàn toàn tự động	Chiếc	Sử dụng với hệ thống Pana 9600X	480	
62	0.2 mL PCR 8-strip tube cho hệ thống hoàn toàn tự động	Strip	Sử dụng với hệ thống Pana 9600X	240	
63	Gioăng cao su cỡ 5 mm	Chiếc	Nút cao su cỡ 5 mm, dùng với Troca 6mm	100	
64	Gioăng cao su cỡ 10 mm	Chiếc	Nút cao su cỡ 10mm, dùng với Troca 11mm	100	

65	Lamen	Chiếc	Lamen kích thước $\geq 24\text{mm} \times 50\text{mm}$, chất liệu thủy tinh	20.000	
66	Khuôn chuyên đúc mô tế bào bằng nhựa	Chiếc	Chất liệu: nhựa; Kích thước $27 \times 76\text{mm}$; Loại lỗ to và lỗ bé	22.000	
67	Balon dự trữ oxy 30 lít	Chiếc	Túi dự trữ oxy bằng PVC hoặc silicone; dung tích 30 lít; dùng với hệ thống oxy trung tâm hoặc Ambu	2	
68	Bộ lưu lượng kế oxy và bình làm ẩm gắn tường chuẩn BS	Chiếc		30	
69	Bóng đèn treo trần	Chiếc	Bóng đèn Halogen, 150W, 24V, Loại đuôi đèn chân cắm, đường kính 11.5mm , dài 50mm	100	
70	Bảo vệ thấu kính dùng cho máy tán sỏi laser	Chiếc	Kích thước: $17 \times 0,5\text{mm}$ Chất liệu Thạch Anh (SiO_2) hoặc tốt hơn	3	
71	Thấu kính	Chiếc	Kích thước: $15 \times 3,5\text{mm}$ Chất liệu Thạch Anh (SiO_2) hoặc tốt hơn	3	
72	Cân sức khỏe có thước đo	Chiếc		1	
73	Củ trocar 5	Chiếc	Van trocar đa chức năng cỡ 6 mm , có thể mở bằng tay hoặc mở tự động	20	
74	Củ trocar 10	Chiếc	Van trocar đa chức năng cỡ 11 mm , có thể mở bằng tay hoặc mở tự động	20	
75	Dây dao mổ điện nội soi	Chiếc	Bọc cách điện, dài 3m	10	
76	Dây dao điện đơn cực	Chiếc	Sợi cáp cao tần đơn cực, 3m , điện áp đỉnh 4.5kVp	5	
77	Dây truyền quang	Chiếc	Dùng cho tán sỏi qua da. Đường kính tối thiểu: $550\mu\text{m}$; dài $\geq 3\text{m}$ chất liệu SiO_2 Thạch Anh hoặc tốt hơn Xuất xứ G7	3	
78	Dây truyền quang	Chiếc	Dùng cho tán sỏi ống mềm. Đường kính tối thiểu: $365\mu\text{m}$; dài $\geq 3\text{m}$ Chất Liệu Thạch Anh hoặc tốt hơn Xuất xứ G7	2	

79	Dây truyền quang	Chiếc	Dùng cho tán sỏi và cắt đốt u sơ tiền liệt tuyến. Đường kính tối thiểu: 945 μ m; dài $\geq$ 3m. Chất Liệu Thạch Anh hoặc tốt hơn Xuất xứ G7	2	
80	Dây nội soi khí quản ống mềm cho máy đặt nội khí quản khó cho người lớn	Chiếc	Ống soi mềm vô trùng dùng 1 lần (Single-use flexible scope). Tích hợp camera CMOS và đèn LED ở đầu. Đường kính ngoài đầu camera $\leq$ 5.0mm - 5.8mm. Đường kính kênh làm việc $\geq$ 2.0mm - 2.2mm. Chiều dài làm việc $\geq$ 600mm. Góc uốn cong đầu soi lên/xuống $\geq$ 120°/120°.	1	
81	Dây nội soi khí quản ống mềm cho máy đặt nội khí quản khó cho trẻ em	Chiếc	Ống soi mềm vô trùng dùng 1 lần (Single-use flexible scope). Tích hợp camera CMOS và đèn LED ở đầu. Đường kính ngoài đầu camera cực nhỏ $\leq$ 2.8mm - 3.8mm. Đường kính kênh làm việc $\geq$ 1.2mm (hoặc không kênh lực tùy dòng). Chiều dài làm việc $\geq$ 500mm - 600mm. Góc uốn cong đầu soi lên/xuống linh hoạt.	1	
82	Dây máy điện châm	Chiếc	Sử dụng cho máy điện châm hãng Đông Á	100	
83	Đồng hồ oxy có bình làm ẩm	Chiếc	Áp lực đầu vào : 15MPa, Áp lực đầu ra: 0,2-0 0,3 Mpa, Van an toàn: 0,35 $\pm$ 0,05 Mpa, Lưu lượng : 1-10 L / min, 1-15L / phút	200	
84	Đèn cla 1 choá	Chiếc	Chu vi 20cm - 25cm. Loại ko dây(Đèn có pin sạc)	1	
85	Hộp hấp Inox	Chiếc	Hộp hấp tròn inox phi 35 x 20 cm	9	
86	Hộp hấp Inox	Chiếc	Kích thước 36 x 45 cm	2	
87	Hộp hấp	Chiếc	Phi 300 x 220 mm	5	
88	Hộp hấp	Chiếc	Phi 360 x 290 mm	5	
89	Hộp inox phi 360	Chiếc	Hộp hấp tròn inox kích thước: 36 x 20cm	6	
90	Hộp hấp hình chữ nhật	Chiếc	Kích thước 35 x 20 x 10 cm	10	
91	Hộp Inox có nắp	Chiếc	Hộp Inox đựng dụng cụ y tế 20*40*10cm	20	
92	Hộp inox đựng dụng cụ hấp sấy	Chiếc	Kích thước 24 x 16 x 5 cm	9	

93	Hộp thuốc cấp cứu chống sốc phản vệ bằng nhựa	Hộp	Kích thước: 265 x 194 x 68 mm. Chất liệu: Nhựa cao cấp. Màu trắng. Phần thân hộp: Chia làm 1 ngăn lớn bên trái và 5 ngăn nhỏ bên phải: Phần nắp: Gồm 2 mặt, Mặt 1: Gồm có logo, tên hộp thuốc và sơ đồ chẩn đoán. Mặt 2: Có sơ đồ chẩn đoán nằm đối xứng với mặt.	10	
94	Khay Inox	Chiếc	Kích thước 12 x 23cm	25	
95	Khay chữ nhật	Chiếc	Kích thước 22x32x2cm. Inox 304 chống ăn mòn	40	
96	Kéo thẳng	Chiếc	Dài 18cm, chất liệu thép không gỉ	35	
97	Kéo thẳng nhọn	Chiếc	Dài 20cm, chất liệu inox	50	
98	Kéo cắt chỉ	Chiếc	Kéo cắt chỉ, kéo mắt thẳng nhọn 10.5cm	10	
99	Kéo phẫu tích	Chiếc	Kéo phẫu tích mũi tù/tù, cong, dài 18cm	50	
100	Kìm cặp kim	Chiếc	Kìm mang kim 14, 16, 18cm	10	
101	Kìm kẹp kim dùng cho phẫu thuật nội soi	Chiếc	Kìm kẹp kim, hàm thẳng, hàm phù hợp kim các bon, tay cầm thẳng có khóa, cỡ 5mm, dài 33cm	10	
102	Kẹp gấp dị vật(sỏi) uốn được	Chiếc	Thép không gỉ, tay cầm mở được, kích thước 2,4x410mm	3	
103	Kìm kẹp kim dùng cho phẫu thuật mổ mở	Chiếc	Kẹp mang kim ngàm răng cưa, cán mạ vàng, dài 20cm	50	
104	Kẹp khuỷu	Chiếc	Dài 15cm, chất liệu inox	2	
105	Kẹp phẫu tích không máu	Chiếc	Dài 15cm, chất liệu inox	10	
106	Kẹp răng chuột	Chiếc	Dài 16cm, chất liệu inox	5	
107	Kẹp kim	Chiếc	Dài 10cm, chất liệu inox	5	
108	Kẹp răng chuột	Chiếc	Kẹp mô 3x4 răng, dài 14cm	50	
109	Mũi khoan xương 2.5 mm	Chiếc	Thép, inox	30	
110	Mũi khoan xương 2.7 mm	Chiếc	Thép, inox	30	

111	Mũi khoan xương 3.2mm	Chiếc	Thép, inox	30	
112	Mũi khoan xương 3.5mm	Chiếc	Thép, inox	30	
113	Nhiệt kế tủ lạnh	Chiếc		10	
114	Nhiệt ẩm kế	Chiếc	Nhiệt ẩm kế theo dõi nhiệt độ , độ ẩm phòng	18	
115	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	Thời gian đo 60 giây; dải đo 32,0–42,0°C; sai số $\pm 0,1^{\circ}\text{C}$; chống nước; có báo sốt và tự động tắt	10	
116	Pipet tự động 100 - 1000 μl	Chiếc	Micropipet phạm vi thể tích 100 - 1000 μl	1	
117	Panh thẳng không mẫu	Chiếc	Chất liệu inox, không mẫu, dài 16cm	50	
118	Panh tiêu không mẫu	Chiếc	Dài 18cm, chất liệu thép không gỉ	10	
119	Panh tiêu thẳng	Chiếc	Dài 20cm, chất liệu thép không gỉ	20	
120	Vỏ ngoài	Chiếc	Vỏ ngoài dụng cụ lưỡng cực dài 33cm	5	
121	Vỏ trong	Chiếc	Vỏ trong dụng cụ lưỡng cực dài 33cm	10	
122	Định lượng Cortisol, tối thiểu 2x50test	Hộp	Dải đo sử dụng được: từ 0.4 đến 60 $\mu\text{g/dL}$; Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh; Thành Phần gồm có: (R1a: Chất cộng hợp)	90	
123	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 54 thông số xét nghiệm miễn dịch 3 mức nồng độ thấp, trung bình, cao, tối thiểu 4 x 3 x 5ml (12x 5ml) /hộp	Hộp	Dạng đông khô tăng độ ổn định, dựa trên huyết thanh người, chứa 7 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn sử dụng ở 2°C-8°C. Ổn định sau hoàn nguyên trong 5 ngày ở 2-8°C hoặc 28 ngày ở -20°C	2	
124	Kít xác định 28 genotype HPV trên hệ thống tự động	Test	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời và xác định 19 type HPV nguy cơ cao và 9 type HPV nguy cơ thấp gây ung thư cổ tử cung. Thích hợp cho các bệnh phẩm: Dịch phết cổ tử cung, Tế bào học trong chất lỏng (LBC)	1.000	
125	Kit real-time PCR đa môi phát hiện virus cúm A, cúm B, SARS-CoV-2 và RSV	Test	Phát hiện virus cúm A, cúm B, SARS-CoV-2 và RSV	5.000	

126	Thuốc thử xét nghiệm định lượng vancomycin	Hộp	Thành phần: Thuốc thử 1 - Enzym: Vancomycin đánh dấu bởi G6PDH vi khuẩn; chất đệm HEPES; albumin huyết thanh bò; Thuốc thử 2 - Kháng thể/cơ chất: Kháng thể chuột đơn dòng với vancomycin; albumin huyết thanh bò; G6P; NAD; Dải đo: từ $\leq 2,0$ đến ≥ 50 $\mu\text{g/mL}$; Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 2,8\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 3,8\%$	6	
127	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng vancomycin	Hộp	Thành phần: vancomycin, dung dịch đệm, natri azit, pH 5,0.; Chất hiệu chuẩn 6 mức nồng độ Vancomycin: 0, 5, 10, 20, 30, 50 $\mu\text{g/mL}$	2	
128	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng nhân (ANA)	Hộp	Bộ xét nghiệm có thể sử dụng được ngay. Thành phần tối thiểu gồm giếng trống và không phủ (để pha loãng mẫu); giếng phản ứng; vật liệu kiểm soát, màu vàng, chứa các kháng thể đặc hiệu, đệm muối phosphate (PBS), albumin huyết thanh bò (BSA); chất cộng hợp enzyme, màu đỏ nhạt, chứa kháng thể kháng IgG người gắn HRP (peroxidase cải ngựa); dung dịch pha loãng mẫu, màu vàng, chứa PBS, BSA, chất tẩy, chất bảo quản natri azid; cơ chất TMB, trong suốt, chứa 3,3', 5,5'-Tetramethylbenzidin. Tuổi thọ theo nghiên cứu độ ổn định tối thiểu 15 tháng.	11	
129	Bộ xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng dsDNA	Hộp	Bộ xét nghiệm có thể sử dụng được ngay. Thành phần tối thiểu gồm giếng trống và không phủ (để pha loãng mẫu); giếng phản ứng; vật liệu kiểm soát, màu vàng, chứa các kháng thể đặc hiệu, đệm muối phosphate (PBS), BSA; chất cộng hợp enzyme, màu đỏ nhạt, chứa kháng thể kháng IgG người gắn HRP (peroxidase cải ngựa); dung dịch đệm dùng cho mẫu thử: màu vàng, chứa PBS, BSA, chất tẩy; cơ chất TMB: trong suốt, chứa 3,3', 5,5'-Tetramethylbenzidin Dải đo từ 0 đến 200 IU/mL hoặc tốt hơn Tuổi thọ theo nghiên cứu độ ổn định tối thiểu 15 tháng.	10	

130	Bộ xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng CCP	Hộp	Bộ xét nghiệm có thể sử dụng được ngay. Thành phần tối thiểu gồm giếng trống (để pha loãng mẫu); giếng phản ứng; vật liệu kiểm soát, màu vàng, chứa các kháng thể đặc hiệu, đệm muối phosphate (PBS), BSA; chất cộng hợp enzyme, màu đỏ nhạt, chứa kháng thể kháng IgG người gắn HRP; dung dịch pha loãng mẫu, màu vàng, chứa PBS, BSA, chất tẩy; cơ chất TMB, trong suốt, chứa 3,3', 5,5'- Tetramethylbenzidin Dải đo từ 0 đến 1000 U/mL hoặc tốt hơn. Tuổi thọ theo nghiên cứu độ ổn định tối thiểu 15 tháng.	11	
131	Bộ xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng Jo-1	Hộp	Bộ xét nghiệm có thể sử dụng được ngay. Thành phần tối thiểu gồm giếng trống và không phủ (để pha loãng mẫu); giếng phản ứng; vật liệu kiểm soát, màu vàng, chứa các kháng thể đặc hiệu, đệm muối phosphate (PBS), BSA; chất cộng hợp enzyme, màu đỏ nhạt, chứa kháng thể kháng IgG người gắn HRP (peroxidase cải ngựa); dung dịch pha loãng mẫu, màu vàng, chứa PBS, BSA, chất tẩy; cơ chất TMB, trong suốt, chứa 3,3', 5,5'- Tetramethylbenzidin Dải đo từ 0 đến 200 U/mL hoặc tốt hơn. Tuổi thọ theo nghiên cứu độ ổn định tối thiểu 15 tháng.	4	
132	Bộ xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng Scl-70	Hộp	Bộ xét nghiệm có thể sử dụng được ngay. Thành phần tối thiểu gồm giếng trống và không phủ (để pha loãng mẫu); giếng phản ứng; vật liệu kiểm soát, màu vàng, chứa các kháng thể đặc hiệu, đệm muối phosphate (PBS), BSA; chất cộng hợp enzyme, màu đỏ nhạt, chứa kháng thể kháng IgG người gắn HRP (peroxidase cải ngựa); dung dịch pha loãng mẫu, màu vàng, chứa PBS, BSA, chất tẩy; cơ chất TMB, trong suốt, chứa 3,3', 5,5'- Tetramethylbenzidin Dải đo từ 0 đến 200 U/mL hoặc tốt hơn. Tuổi thọ theo nghiên cứu độ ổn định tối thiểu 15 tháng.	4	
133	IVD hỗ trợ kiểm soát tính năng thiết bị ELISA	Hộp	Thành phần tối thiểu gồm giếng trống và không phủ (để pha loãng mẫu); giếng phản ứng; chất hiệu chuẩn, màu vàng, chứa kháng thể IgG (gà) đặc hiệu, PBS, BSA, chất tẩy; chất cộng hợp enzym, màu đỏ nhạt, chứa kháng thể IgG (dê) kháng gà gắn HRP; kiểm soát dương tính: màu vàng; chứa kháng thể (gà) đặc hiệu; cơ chất TMB: trong, chứa 3,3', 5,5'- Tetramethylbenzidin Tuổi thọ theo nghiên cứu độ ổn định tối thiểu 15 tháng.	2	

134	IVD hỗ trợ kiểm soát tính năng thiết bị ELISA	Hộp	Thành phần tối thiểu gồm giếng trống và không phủ (để pha loãng mẫu); giếng phản ứng; chất hiệu chuẩn, màu vàng, chứa kháng thể IgG (gà) đặc hiệu, PBS, BSA, chất tẩy; chất cộng hợp enzym, màu đỏ nhạt, chứa kháng thể IgG (đê) kháng gà gắn HRP; kiểm soát âm tính: màu vàng chứa PBS, BSA, chất tẩy; cơ chất TMB: trong, chứa 3,3', 5,5'-Tetramethylbenzidin Tuổi thọ theo nghiên cứu độ ổn định tối thiểu 15 tháng.	2	
135	Thuốc thử tách chiết DNA và RNA của virus dạng plate 16 mẫu, dùng cho HBV, HCV. Dùng cho hệ thống tự động hoàn toàn	Test	Thuốc thử tách chiết DNA/RNA virus từ máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, dịch kẽ, nước tiểu và mẫu swab; DNA/RNA tinh khiết, ổn định, phù hợp PCR, NGS và các ứng dụng sinh học phân tử. Bảo quản nhiệt độ phòng, hạn sử dụng 12 tháng. Chứng nhận CE-IVDR, FDA; đáp ứng tiêu chuẩn G20 (nhóm các nền kinh tế lớn).	9.216	
136	Thuốc thử tách chiết DNA và RNA của virus dạng plate 5 mẫu, Dùng cho HBV, HCV. Dùng cho hệ thống tự động hoàn toàn	Test	Thuốc thử tách chiết DNA/RNA virus từ máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, dịch kẽ, nước tiểu và mẫu swab; DNA/RNA tinh khiết, ổn định, phù hợp PCR, NGS và các ứng dụng sinh học phân tử. Bảo quản nhiệt độ phòng, hạn sử dụng 12 tháng. Chứng nhận CE-IVDR, FDA; đáp ứng tiêu chuẩn G20 (nhóm các nền kinh tế lớn).	3.120	
137	Thuốc thử tách chiết axit nucleic (Đối với DNA và RNA của virus)	Test	Thuốc thử tách chiết DNA/RNA virus từ huyết thanh và huyết tương, cho DNA/RNA tinh khiết, ổn định. Hóa chất nạp sẵn, kèm Proteinase K; bảo quản nhiệt độ phòng. Chứng chỉ NMPA, ISO 13485, ISO 9001, CE; đáp ứng tiêu chuẩn G20 (nhóm các nền kinh tế lớn)	700	
138	Bộ xét nghiệm định tính và định lượng DNA HBV	Test	Định lượng HBV DNA bằng chứng nội gene ngoại sinh; Độ đặc hiệu cao: Không phản ứng chéo với HCV, HEV, EBV, HCMV, HAV, HSV I/II, lao, Candida, tụ cầu vàng. chứng chỉ NMPA, ISO 13485, ISO 9001; tiêu chuẩn G20(Các nền kinh tế lớn).	11.904	

139	Bộ xét nghiệm phát hiện định lượng RNA của virus viêm gan C	Test	Định lượng HCV RNA bằng chứng nội gene ngoại sinh phát hiện các phân nhóm HCV 1–6 theo WHO. Độ đặc hiệu cao: Không phản ứng chéo với HBV, HEV, EB, HCMV, HAV, HSV-I/II, MTB, Candida albicans, Staphylococcus aureus. Kháng nhiễu: Không bị ảnh hưởng bởi hemoglobin, triglyceride, IgG, bilirubin, interferon tái tổ hợp, ribavirin. chứng chỉ NMPA, ISO 13485, ISO 9001; tiêu chuẩn G20 (Các nền kinh tế lớn).	744	
140	Bộ xét nghiệm định tính và định lượng RNA HIV-1	Test	- Định lượng HIV-1 RNA bằng chứng nội, UNG-dUTP ngăn dương tính giả từ trước. - Bao phủ các kiểu gen HIV-1 A, B, C, D, AE, F, G, AG-GH, nhóm N/O (WHO NIBSC 12/224) và các kiểu gen B/B', AE, BC mẫu lâm sàng. - Độ nhạy lâm sàng $\geq 98,25\%$ và độ đặc hiệu lâm sàng 100% chứng chỉ NMPA, ISO 13485, ISO 9001; tiêu chuẩn G20 (Các nền kinh tế lớn).	744	
141	Chất khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế	Hộp	- Thành phần: $\geq 30\%$ chất tẩy trắng gốc oxy, $\leq 5\%$ phosphates, chất diện hoạt không ion Dung dịch 1% chứa $\geq 0.15\%$ peracetic acid hoặc hơn - Độ pH trong khoảng 7.6-7.9	150	
142	Dung dịch Acid Axetic	Lít	Dung dịch Acid Axetic 3%	9	
143	Sáp Parafin y tế (hoặc Parafin rắn y tế)	Kg	Dạng sáp rắn (Hard Paraffin), màu trắng tinh khiết, không mùi, không vị Nhiệt độ nóng chảy: $52^{\circ}\text{C} - 58^{\circ}\text{C}$ (Đây là khoảng an toàn cho trị liệu; sáp có nhiệt độ nóng chảy quá cao dễ gây bỏng, quá thấp sẽ không đủ giữ nhiệt).	25	
144	Muối viên NaCl	Kg	Muối tinh khiết $>99,5\%$	300	

145	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Galactomannan (Aspergillus) trong máu và dịch hô hấp dưới	Hộp	Xét nghiệm sũa AGM LFA là xét nghiệm sắc ký miễn dịch để phát hiện định tính Aspergillus galactomannan LFA trong các mẫu huyết thanh và dịch rửa phế quản phế nang (BAL). Mẫu huyết thanh và BAL yêu cầu phải được xử lý nhiệt trước khi thử nghiệm	1	
146	Hóa chất dùng để phát hiện nhanh kháng thể IgG-IgM chống lại Aspergillus	Hộp	Xét nghiệm nhanh dựa trên công nghệ sắc ký miễn dịch (dòng chảy bên), cho phép phát hiện đồng thời cả kháng thể kháng Aspergillus lớp IgG và IgM trong huyết thanh người Xét nghiệm đơn sử dụng một lần để chẩn đoán định tính Cassete sẵn sàng sử dụng được đóng gói trong túi kín cùng gói hút ẩm. Độ nhạy: 90.9% Độ đặc hiệu: 96.3%	1	
147	Máy đọc kết quả xét nghiệm nhanh Aspergillus galactomannan	Hộp	Là máy phân tích để bàn nhằm mục đích hỗ trợ việc giải thích các kết quả của xét nghiệm dòng chảy bên sũa Aspergillus GM	1	
148	Formaldehyd đậm đặc	Lít	Chất lỏng trong, không màu hay gần như không màu. Dung dịch chứa $\geq 37\%$ Formaldehyd	120	
149	Kit tách chiết DNA vi khuẩn	Hộp	Tách chiết DNA nồng độ cao của vi khuẩn và nấm từ mẫu nuôi cấy vi sinh vật, tằm bông, dịch cơ thể, đờm, phân và các mẫu môi trường (như đất và nước). Thời gian thực hiện: dưới 30 phút	7	
150	Kit chuẩn bị thư viện giải trình tự Native Barcoding Kit	Hộp	Dùng để chuẩn bị thư viện giải trình tự gene. Kit dùng để sử dụng cho các trường hợp chạy đồng thời lên đến 96 mẫu. Không yêu cầu PCR. Tối ưu cho: 3 thư viện chứa 96 mã vạch, 6 thư viện chứa 48 mã vạch	2	
151	Hoá chất phụ trợ giải trình tự Sequencing Auxiliary	Hộp	Các lọ phụ trợ giải trình tự chứa dung dịch đệm giải trình tự, dung dịch đệm rửa giải, dung dịch thư viện và hạt thư viện cùng với thuốc thử môi tế bào dòng chảy V14: dung dịch rửa tế bào dòng chảy và dây buộc tế bào dòng chảy.	1	

152	Hoá chất phụ trợ giải trình tự Native Barcoding Auxiliary Kit	Hộp	Bộ mở rộng Native Barcoding Auxiliary V14 chứa các thuốc thử chuẩn bị thư viện bổ sung cho Bộ kit Native Barcoding 24 và 96 V14, và Bộ kit Multiplex Ligation Sequencing Kit XL V14, cho thêm 12 phản ứng.	1	
153	Cảm biến giải trình tự thông lượng cao PromethION Flow Cell Packs	Hộp	Cảm biến giải trình tự cho máy giải trình tự PromethION. Chứa cảm biến độc quyền và các lỗ nano	1	
154	Cảm biến giải trình tự Flow Cell	Cái	Cảm biến giải trình tự cho các máy giải trình tự MinION and GridION. Chứa cảm biến độc quyền và các lỗ nano R10	1	
155	Hoá chất sửa chữa DNA NEB Blunt/TA Ligase Master Mix	Hộp	Dùng để nối các DsDNA hoặc các sợi nicked DNA/RNA trong quá trình chuẩn bị thư viện Nanopore	2	
156	Hoá chất sửa chữa DNA NEBNext FFPE Repair Mix	Hộp	Hỗn hợp chứa các enzyme và dung dịch đệm được tối ưu hóa để sửa chữa DNA FFPE trong quy trình giải trình tự thế hệ mới. Thành phần: + NEBNext® FFPE DNA Repair Mix+ NEBNext FFPE DNA Repair Buffer	1	
157	Hoá chất sửa chữa DNA NEBNext Ultra II End repair/dA-tailing Module	Hộp	Dùng để sửa chữa đầu cuối DNA có đầu 5' phosphoryl, 3' dA trong quá trình chuẩn bị thư viện Nanopore. Thành phần: + NEBNext® Ultra II End Prep Enzyme Mix + NEBNext® Ultra II End Prep Reaction Buffer	1	
158	Hoá chất sửa chữa DNA NEBNext Quick Ligation Module	Hộp	Dùng để nối nhanh DNA adapter vào các đoạn DNA có đuôi dA được sửa chữa cuối cùng trong quá trình chuẩn bị thư viện Nanopore. Thành phần: + NEBNext Quick Ligation Reaction Buffer + Quick T4 DNA Ligase	1	
159	Dung dịch rửa Flowcell Flow Cell Wash Kit	Hộp	Hóa chất dùng để rửa và tái sử dụng MinION™ và PromethION™ Flow Cell. Thành phần: + Wash Mix + Diluent + Storage Buffer	2	
160	UltraPure™ BSA	Lọ	Albumin huyết thanh bò (BSA) không bị acetyl hóa, dạng lỏng	1	
161	Nước siêu sạch không chứa nuclease Nuclease-free Water	Lọ	Dùng để hòa tan lại ban đầu và bảo quản các oligonucleotide RNA mạch đơn hoặc pha loãng dung dịch từ dung dịch gốc.	2	
162	Cồn tuyệt đối Ethanol	Lọ	Cồn tinh khiết dùng trong sinh học phân tử, độ tinh sạch 99.9%	1	

163	Ống PCR tube 0.2ml 960 tube	Hộp	Ống PCR thể tích 0,2ml, nhựa PP, DNase/RNase Free, Pathogen-free	1	
164	Ống 1.5ml chống dính	Hộp	Ống chống dính thể tích 1,5ml, DNase/RNase Free, Tiệt trùng	3	
165	Hoá chất đo nồng độ DNA	Hộp	Định lượng dsDNA đặc hiệu, Cung cấp thuốc nhuộm huỳnh quang liên kết với DNA mạch đôi, Cung cấp thuốc nhuộm huỳnh quang liên kết với DNA mạch đơn	2	
166	Ống PCR 0.5ml có nắp	Hộp	Ống PCR thể tích 0,5ml, nhựa PP, DNase/RNase Free	1	
167	Môi trường canh thang cho nuôi cấy vi khuẩn	Hộp	- Môi trường canh thang Mueller Hinton có điều chỉnh cation và bổ sung đệm TES (CAMHBT) - Thành phần: Dung dịch chứa các ion canxi, ion magiê, canh thang Mueller Hinton và đệm TES - Đóng gói 11ml trong ống có nắp vận chuyển chất liệu borosilicate.	4	
168	Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm	Hộp	- Khay 96 giếng được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) - Khay sử dụng phương pháp vi pha loãng - Khay cho kết quả MIC thực thay vì kết quả ngoại suy - Khay kháng sinh đồ dành cho vi khuẩn Gram âm có Colistin - Thành phần kháng sinh: Meropenem, Gentamicin, Ciprofloxacin, Amoxicillin/clavulanic acid liều cố định 2, Colistin, Tigecycline, Ceftazidime, Imipenem, Aztreonam...	32	
169	Dịch pha huyền phù vi khuẩn làm kháng sinh đồ	Hộp	- Môi trường pha loãng các vi sinh vật được phân lập từ các mẫu lâm sàng để thử nghiệm độ nhạy cảm kháng sinh - Thành phần: Nước khử khoáng	4	
170	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử phát hiện các đột biến gây kháng thuốc của CPE, VRE và ESBLs	Hộp	- Bộ kit real-time PCR Phát hiện đồng thời các tác nhân: Enterobacteriaceae sản xuất carbapenemase (CPE): KPC, VIM, NDM, IMP, OXA-48; Enterococci kháng Vancomycin (VRE): vanA, vanB; Enterobacteriaceae sản xuất ESBL (ESBLs): CTX-M - Loại mẫu bệnh phẩm: Mẫu phết trực tràng, Khuẩn lạc	4	

171	Bộ kit tách chiết axit nucleic sử dụng cho máy tách chiết tự động	Hộp	- Bộ kit tách chiết axit nucleic cho máy tách chiết tự động - Thành phần tối thiểu gồm: Lysis Buffer (LB) 4x23ml, Binding Buffer (BB) 4 X 68 mL, Elution Buffer (EB) 4 X 18 mL, Magnetic Beads 4 X 1.8 mL, Lysis Buffer (LB) 200 mL, Proteinase K (lyophilized) * 4 X 75 mg, WB1 4 X 55 mL, WB2 4 X 10 mL, WB3 4 X 55 mL. - Mẫu đầu vào: mẫu mô, tế bào, vi khuẩn, huyết thanh, huyết tương, dịch ngoáy ty hầu, dịch hút ty hầu, dịch phế quản phế nang (BAL) nước tiểu, phân, đờm, nước bọt, máu toàn phần, dịch phết sinh dục (âm đạo, cổ tử cung, niệu đạo) CSF...	1	
172	Dụng cụ đựng mẫu bằng nhựa của máy tách chiết tự động, loại 96 giếng	Bộ	- Đĩa 96 giếng dùng cho máy tách chiết tự động - Có mã vạch	10	
173	Đầu côn bằng nhựa của máy tách chiết tự động, thể tích 1000µL	Bộ	- Đầu côn 1000µL dùng cho máy tách chiết tự động	4	
174	Ống PCR 0.1mL	Túi	- Strip PCR 8 ống 0.1mL cho phản ứng PCR, Real-time PCR - Không có nắp, màu trắng đục	1	
175	Nắp ống PCR 0.1mL	Túi	- Nắp cho dải 8 ống PCR 0.1mL tương ứng	1	
176	Mueller Hinton Agar	Hộp	Thành phần: HM infusion B from; Acicase; Starch; Agar; Final pH (at 25°C) 7.3±0.1. Có chứng nhận IVD.	2	
177	Sữa bột tách béo	Hộp	Sữa bột cao đậm, đã tách chất béo Bột vô định hình, đồng nhất, màu vàng nhạt đến kem, chảy tự do Độ hòa tan: 33,3 mg hòa tan trong 1 mL nước có độ mờ nhẹ	1	
	Tổng: 177 Danh mục				